



Flashcardo.com

Vi håper at disse utskrivbare flashkortene vil være nyttige for deg. For å finne enda flere flashkortprodukter, gå til vår nettside www.flashcardo.com/nb. På Flashcardo.com tilbyr vi nettbaserte flashkort, flashkort med repetisjon over tid, videoflashkort og mye mer. Alt er gratis og klart til bruk for elever over hele verden.

Opphavsrett, lisensnotater

Denne PDF-en er beskyttet av opphavsrett, og alle rettigheter er forbeholdt. Du står fritt til å dele denne PDF-en med hvem som helst. Du har imidlertid ikke lov til å selge denne PDF-en eller innholdet i den. Hvis du har spørsmål, gå til www.flashcardo.com/nb for å komme i kontakt med oss. Tusen takk!

Ansvarsfraskrivelse

DENNE PDF-EN LEVERES "SOM DEN ER", UTEN NOEN FORM FOR GARANTI, VERKEN UTTRYKT ELLER UNDERFORSTÅTT, INKLUDERT, MEN IKKE BEGRENSET TIL, GARANTIER OM SALGBARHET, EGNETHET FOR ET BESTEMT FORMÅL OG IKKE-KRENKELSE. UNDER INGEN OMSTENDIGHETER SKAL FORFATTERNE ELLER RETTIGHETSHAVERNE HOLDES ANSVARLIGE FOR NOEN KRAV, SKADER ELLER ANNEN ANSVARLIGHET, ENTEN I EN RETTSSAK, ERSTATNINGSKRAV ELLER PÅ ANNEN MÅTE, SOM OPPSTÅR FRA, UT AV ELLER I FORBINDELSE MED PDF-EN ELLER BRUKEN ELLER ANDRE FORHOLD KNYTTET TIL PDF-EN.

Opphavsrett © 2025 Flashcardo.com. Alle rettigheter forbeholdt

Grunnleggende

jeg

tôi

du

bạn

han

anh ấy

hun

cô ấy

det
han, hun

nó

vi

chúng tôi / chúng ta

dere

các bạn

de

họ

hva

cái gì

hvem

ai

hvor

ở đâu

hvorfor

tại sao

hvordan

làm sao

hvilken

cái nào

når

lúc nào

så

sau đó

hvis

nếu

virkelig

thật sự

men

nhưng

fordi

bởi vì

ikke

không

dette

này

det
dette

đó

alle
generell

tất cả

eller

hoặc

og

và

her

đây

der

đó

venstre

trái

høyre

phải

nå

bây giờ

ettermiddag

buổi chiều

formiddag

buổi sáng

natt

ban đêm

morgen

buổi sáng

kveld

buổi tối

middag
tid

buổi trưa

midnatt

nửa đêm

time
sekund, minutt

giờ

minutt

phút

sekund

giây

dag

ngày

uke

tuần

måned

tháng

år

năm

i går

hôm qua

i dag

hôm nay

i morgen

ngày mai

mandag

tirsdag

onsdag

thứ hai

thứ ba

thứ tư

torsdag

fredag

lørdag

thứ năm

thứ sáu

thứ bảy

søndag

kvinne

mann

chủ nhật

đàn bà

đàn ông

kjærlighet

kjæreste
mannlig

kjæreste
kvinnelig

tình yêu

bạn trai

bạn gái

venn

kyss

sex

bạn

hôn

tình dục

barn

jente

gutt

trẻ em

con gái

con trai

mamma

pappa

mor

mẹ

ba

má

far

foreldre

sønn

cha

cha mẹ

con trai

datter

con gái

lillesøster

em gái

lillebror

em trai

storesøster

chị gái

storebror

anh trai

ektemann

chồng

kone

vợ

hver

mỗi / mọi

alltid

luôn luôn

faktisk

thực ra

igjen

lần nữa

allerede

đã

mindre

ít hơn

flest

phần lớn

mer

nhiều hơn

ingen

không có

veldig

rất

på utsiden

ở ngoài

på innsiden

ở trong

fjern

xa

nær

gần

under

bên dưới

over

bên trên

ved siden av

bên cạnh

foran

phía trước

bak

phía sau

alle
person

mọi người

sammen

cùng nhau

andre
annen

khác

vår

mùa xuân

sommer

mùa hè

høst

mùa thu

vinter

mùa đông

januar

tháng một

februar

tháng hai

mars

tháng ba

april

tháng tư

mai

tháng năm

juni

tháng sáu

juli

tháng bảy

august

tháng tám

september

tháng chín

oktober

tháng mười

november

tháng mười một

desember

tháng mười hai

nord

bắc

øst

đông

sør

nam

vest

tây

ofte

thường xuyên

umiddelbart

ngay lập tức

plutselig

đột ngột

selv om

mặc dù

Tall

0

không

1

một

2

hai

3

ba

4

bốn

5

năm

6

sáu

7

bảy

8

tám

9

chín

10

mười

11

mười một

12

mười hai

13

mười ba

14

mười bốn

15

mười năm

16

mười sáu

17

mười bảy

18

mười tám

19

mười chín

20

hai mươi

21

hai mươi một

22

hai mươi hai

26

hai mươi sáu

30

ba mươi

31

ba mươi mốt

33

ba mươi ba

37

ba mươi bảy

40

bốn mươi

41

bốn mươi mốt

44

bốn mươi bốn

48

bốn mươi tám

50

năm mươi

51

năm mươi mốt

55

năm mươi lăm

59

năm mươi chín

60

sáu mươi

61

sáu mươi mốt

62

sáu mươi hai

66

sáu mươi sáu

70

bảy mươi

71

bảy mươi mốt

73

bảy mươi ba

77

bảy mươi bảy

80

tám mươi

81

tám mươi mốt

84

tám mươi bốn

88

tám mươi tám

90

chín mươi

91

chín mươi mốt

95

chín mươi lăm

99

chín mươi chín

100

một trăm

101

một trăm linh một

105

một trăm linh năm

110

một trăm mười

151

một trăm năm mươi mốt

200

hai trăm

202

hai trăm linh hai

206

hai trăm linh sáu

220

hai trăm hai mươi

262

hai trăm sáu mươi hai

300

ba trăm

303

ba trăm linh ba

307

ba trăm linh bảy

330

ba trăm ba mươi

373

ba trăm bảy mươi ba

400

bốn trăm

404

bốn trăm linh bốn

408

bốn trăm linh tám

440

bốn trăm bốn mươi

484

bốn trăm tám mươi bốn

500

năm trăm

505

năm trăm linh năm

509

năm trăm linh chín

550

năm trăm năm mươi

595

năm trăm chín mươi lăm

600

sáu trăm

601

sáu trăm linh một

606

sáu trăm linh sáu

616

sáu trăm mười sáu

660

sáu trăm sáu mươi

700

bảy trăm

702

bảy trăm linh hai

707

bảy trăm linh bảy

727

bảy trăm hai mươi bảy

770

bảy trăm bảy mươi

800

tám trăm

803

tám trăm linh ba

808

tám trăm linh tám

838

tám trăm ba mươi tám

880

tám trăm tám mươi

900

chín trăm

904

chín trăm linh bốn

909

chín trăm linh chín

949

chín trăm bốn mươi chín

990

chín trăm chín mươi

1000

một nghìn

1001

một nghìn không trăm linh
một

1012

một nghìn không trăm mười
hai

1234

một nghìn hai trăm ba mươi
bốn

2000

hai nghìn

2002

hai nghìn không trăm linh hai

2023

hai nghìn không trăm hai
mười ba

2345

hai nghìn ba trăm bốn mươi
lăm

3000

ba nghìn

3003

ba nghìn không trăm linh ba

4000

bốn nghìn

4045

bốn nghìn không trăm bốn
mười lăm

5000

năm nghìn

5678

năm nghìn sáu trăm bảy
mười tám

6000

sáu nghìn

7000

bảy nghìn

7890

bảy nghìn tám trăm chín
mười

8000

tám nghìn

8901

tám nghìn chín trăm linh một

9000

chín nghìn

9090

chín nghìn không trăm chín
mười

10.000

mười nghìn

10.001

mười nghìn không trăm linh
một

20.020

hai mươi nghìn không trăm
hai mươi

30.300

ba mươi nghìn ba trăm

44.000

bốn mươi bốn nghìn

100.000

một trăm nghìn

500.000

năm trăm nghìn

1.000.000

một triệu

6.000.000

sáu triệu

10.000.000

mười triệu

70.000.000

bảy mươi triệu

100.000.000

một trăm triệu

800.000.000

tám trăm triệu

1.000.000.000

một tỷ

9.000.000.000

chín tỷ

10.000.000.000

mười tỷ

20.000.000.000

hai mươi tỷ

100.000.000.000

một trăm tỷ

300.000.000.000

ba trăm tỷ

1.000.000.000.000

một nghìn tỷ

Verb

å vite

biết

å tenke

nghĩ

å komme

đến

å legge

đặt

å ta

lấy

å finne

tìm

å høre

nghe

å jobbe

làm việc

å snakke

nói chuyện

å gi
generell

cho

å like

thích

å hjelpe

giúp đỡ

å elske

yêu

å ringe

gọi

å vente

chờ đợi

å stå

đứng

å sitte

ngồi

å lukke

đóng

å åpne
dør

mở

å tape

thua

å vinne

thắng

å dø

chết

å leve

sống

å slå på

bật

å slå av

tắt

å drepe

giết

å skade

làm bị thương

å røre

chạm

å se på

xem

å drikke

uống

å spise

ăn

å gå

đi bộ

å møte

gặp

å vedde

đặt cược

å kysse

hôn

å følge

đi theo

å gifte

cưới

å svare

trả lời

å spørre

hỏi

å trekke
dør

kéo

å dytte

đẩy

å trykke
knapp

ấn

å slå

đánh

å fange

bắt

å slåss

chiến đấu

å kaste

ném

å løpe

chạy

å lese

đọc

å skrive

viết

å fikse

sửa chữa

å telle

đếm

å kutte

cắt

å selge

bán

å kjøpe

mua

å betale

trả

å studere

học

å drømme

mơ

å sove

ngủ

å spille

chơi

å feire

ăn mừng

å nyte

thưởng thức

å vaske
generell

dọn dẹp

å skyte

bắn

å forsvare

bảo vệ

å angripe

tấn công

å stjele

trộm

å brenne

đốt

å redde

cứu

å fly

bay

å spytte

khạc nhổ

å sparke

đá

å bite

cắn

å puste

thở

å lukte

ngửi

å gråte

khóc

å synge

hát

å smile

cười mỉm

å le

cười

å vokse

lớn lên

å krympe

co lại

å krangle

tranh luận

å dele

chia sẻ

å mate

cho ăn

å gjemme

trốn

å advare

cảnh báo

å svømme

bơi

å hoppe

nhảy

å løfte

nâng

å grave

đào

å levere

giao hàng

å lete etter

tìm kiếm

å øve

luyện tập

å reise

đi du lịch

å male

vẽ

å åpne
lås

mở

å låse

khóa

å vaske
klær

rửa

å be

cầu nguyện

å lage mat

nấu ăn

å spy

nôn

å rope

la hét

å sitere

trích dẫn

å printe

in

å beregne

tính toán

å tjene

kiếm tiền

Adjektiver

ny

mới

gammel
ting

cũ

få

ít

mange

nhiều

feil

sai

riktig

chính xác

dårlig

xấu

flink

tốt

lykkelig

hạnh phúc

kort
generell

ngắn

lang

dài

liten
allminnelig

nhỏ

stor

lớn

vakker

xinh đẹp

ung

trẻ

gammel
person

già

hvit

màu trắng

svart

màu đen

rød

màu đỏ

blå

màu xanh da trời

grønn

màu xanh lá cây

gul

màu vàng

langsom

chậm

rask

nhanh

morsom

vui vẻ

urettferdig

không công bằng

rettferdig

công bằng

vanskelig

khó

lett
enkel

dễ

rik

giàu

fattig

nghèo

sterk
generell

khỏe

svak

yếu

trygg

an toàn

sliten

mệt mỏi

stolt

tự hào

mett

no bụng

syk

bệnh

sun

khỏe mạnh

sint

tức giận

lav

thấp

høy
generell

cao

søt
mat

ngọt

sur

chua

myk

mềm

hard

cứng

søt
person

đáng yêu

dum

ngu ngốc

gal

điên hùng

opptatt

bận rộn

høy
kropp

cao

liten
person

thấp

bekymret

lo lắng

overrasket

ngạc nhiên

veloppdragen

cư xử tốt

ond

ác độc

smart

khéo léo

kald

lạnh

varm
veldig

nóng

oransje

màu cam

grå

màu xám

brun

màu nâu

rosa

màu hồng

kjedelig

nhàm chán

tung

nặng

lett
vekt

nhẹ

ensom

cô đơn

sulten

đói bụng

tørst

khát nước

trist

buồn

bratt

dốc

flat

bằng phẳng

smal

hẹp

bred

rộng

dyp

sâu

grunn

nông

enorm

lớn

skitten

bẩn

ren

sạch sẽ

full
generell

đầy

tom

trống rỗng

dyr
adjektiv

đắt

billig

rẻ

sexy

quyến rũ

lat

lười biếng

modig

dũng cảm

sjenerøs

hào phóng

våt

ướt

tørr

khô

høyt

ồn ào

rolig

yên tĩnh

solfyllt

nắng

regnfull

nhiều mưa

tåkete

sương mù

overskyet

nhiều mây

Sport

turn

thể dục dụng cụ

tennis

quần vợt

løping

chạy

sykling

đạp xe

golf

đánh golf

fotball

bóng đá

basketball

bóng rổ

svømming

bơi lội

dykking

lặn

fottur

đi bộ đường dài

maraton

chạy marathon

triatlon

ba môn phối hợp

bordtennis

bóng bàn

vektløfting

cử tạ

boksing

quyền anh

badminton

cầu lông

kunstløp

trượt băng nghệ thuật

snowboarding

trượt ván tuyết

skidrett

trượt tuyết

langrenn

trượt tuyết băng đồng

ishockey

khúc côn cầu trên băng

volleyball

bóng chuyền

håndball

bóng ném

sandvolleyball

bóng chuyền bãi biển

rugby

bóng rugby

cricket

bóng gậy

baseball

bóng chày

Amerikansk fotball

bóng bầu dục Mỹ

vannpolo

bóng nước

stuping

nhảy cầu

surfing

lướt sóng

seiling

đua thuyền buồm

roing

chèo thuyền

yoga

yoga

dans

khiêu vũ

fallskjermhopping

nhảy dù

sjakk

poker

bowling

cờ vua

đánh bài poker

bowling

ballett

múa ba lê

Dyr

gris

con lợn

ku

con bò

hest

con ngựa

hund

con chó

sau

con cừu

ape

con khỉ

katt

con mèo

bjørn

con gấu

kylling
dyr

con gà

and

con vịt

sommerfugl

con bướm

bie

con ong

fisk
dyr

con cá

edderkopp

con nhện

slange

con rắn

tiger

con hổ

mus
dyr

con chuột

kanin

con thỏ

løve

con sư tử

esel

con lừa

elefant

con voi

due

con chim bồ câu

bille

con bọ

mygg

con muỗi

flue

con ruồi

maur

con kiến

hval

con cá voi

hai

con cá mập

delfin

con cá heo

snegle

con ốc sên

frosk

con ếch

panda

con gấu trúc

isbjørn

con gấu Bắc cực

ulv

con chó sói

koala

con gấu túi

kenguru

con chuột túi

sjiraff

con hươu cao cổ

rev

con cáo

flodhest

con hà mã

flaggermus

con dơi

ravn

con quạ

svane

con thiên nga

måke

con chim hải âu

ugle

con cú

pingvin

con chim cánh cụt

papegøye

con vẹt

larve

con sâu bướm

øyenstikker

con chuồn chuồn

akkar

con mực ống

blekksprut

con bạch tuộc

sjøhest

con cá ngựa

sel

con hải cẩu

manet

con sứa

krabbe

con cua

dinosaur

con khủng long

skilpadde
land

con rùa cạn

krokodille

con cá sấu

Land

Europa

Châu Âu

Asia

Châu Á

Amerika

Châu Mỹ

Afrika

Châu Phi

Storbritannia

Vương quốc Anh

Spania

Tây Ban Nha

Sveits

Thụy sĩ

Italia

Ý

Frankrike

Pháp

Tyskland

Đức

Thailand

Thái Lan

Singapore

Singapore

Russland

Japan

Israel

Nga

Nhật Bản

Israel

India

Kina

USA

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

Mexico

Canada

Chile

Mexico

Canada

Chile

Brasil

Argentina

Sør-Afrika

Brazil

Argentina

Nam Phi

Nigeria

Marokko

Libya

Nigeria

Ma Rốc

Libya

Kenya

Algerie

Egypt

Kenya

Algeria

Ai Cập

New Zealand

Australia

New Zealand

Úc

Kropp

hode

đầu

nese

mũi

hår

tóc

mun

miệng

øre

tai

øye

mắt

hånd

bàn tay

føt

bàn chân

hjerte

tim

hjerne

não

hals

cổ

rumpe

mông

skulder

vai

kne

đầu gối

bein
underkropp

chân

arm

tay

mage

bụng

barm

ngực

rygg

lưng

tann

răng

tunge

lưỡi

leppe

môi

finger

ngón tay

tå

ngón chân

magesekk

dạ dày

lunge

phổi

lever

gan

nerve

dây thần kinh

nyre

thận

tarm

ruột

panne
kropp

trán

hake

cằm

kinn

má

skjegg

râu

tommel

ngón cái

lillefinger

ngón tay út

ringfinger

ngón tay đeo nhẫn

langfinger

ngón tay giữa

pekefinger

ngón tay trỏ

fingernegl

móng tay

hæl

gót chân

ryggrad

xương sống

muskel

cơ bắp

bein
knokkel

xương

skjelett

bộ xương

ribbein

xương sườn

virvler

đốt sống

blære

bàng quang

blodårre

arterie

vagina

tĩnh mạch

động mạch

âm đạo

sperm

penis

testikkel

tinh trùng

dương vật

tinh hoàn

Hus

dør

cửa

kjøkken

nhà bếp

bad

phòng tắm

stue

phòng khách

soverom

phòng ngủ

hage

vườn

garasje

gara

vegg

tường

kjeller

tầng hầm

toalett
bygning

nhà vệ sinh

trapp

cầu thang

tak

mái nhà

vindu
bygning

cửa sổ

kniv

dao

kopp

tách

glass

ly

tallerken

đĩa

beger

cốc

søppelbøtte

thùng rác

bolle

tô

pult

bàn

seng

giường

speil

gương

dusj

vòi hoa sen

sofa

ghế sofa

bilde

ảnh

klokke

đồng hồ

bord

bàn

stol

ghế

nabo

hàng xóm

heis

thang máy

balkong

ban công

loft

gác xép

skorstein

ống khói

sleiv

muỗng gỗ

spisepinne

đũa

bestikk

skje

gaffel

bộ dao nĩa

muỗng

nĩa

øse

gryte

panne
kjøkken

cái vá

nồi

chảo

lyspære

bokhylle

gardin

bóng đèn

giá sách

rèm

madrass

pute

teppe
seng

nệm

gối

chăn

hylle

kệ

skuff

ngăn kéo

garderobe

tủ quần áo

bøtte

xô

kost

chổi

vekt

cái cân

skittentøyskurv

giỏ đựng đồ giặt

badekar

bồn tắm

badehåndkle

khăn tắm

såpe

xà phòng

toalettpapir

giấy vệ sinh

håndkle

khăn tắm

vask

bồn rửa mặt

stige

cái thang

postkasse

hộp thư

gjerde

hàng rào

Mat

egg

trứng

ost

phô mai

melk

sữa

fisk
mat

cá

kjøtt

thịt

bein
mat

xương

olje

dầu

brød

bánh mì

sukker

đường

sjokolade

sô cô la

godteri

kẹo

kake

bánh bông lan

vann

nước

kaffe

cà phê

te

trà

øl

bia

vin

rượu nho

salat
mat

sa lát

suppe

súp

dessert

món tráng miệng

frokost

bữa ăn sáng

lunsj

bữa trưa

middag
mat

bữa tối

pizza

pizza

iskrem

kem

smør

bơ

yoghurt

sữa chua

tunfisk

cá ngừ

laks

cá hồi

skinke

giăm bông

bacon

thịt ba rọi

pølse

xúc xích

kalkun

thịt gà tây

kylling
kjøtt

thịt gà

storfe

thịt bò

svin

thịt heo

lam

thịt cừu

gresskar

bí ngô

sopp

nấm

trøffel

nấm cục

hvitløk

tỏi

purre

tỏi tây

ingefær

gừng

aubergine

cà tím

søtpotet

khoai lang

gulrot

cà rốt

agurk

dưa chuột

chili

ớt

paprika

ớt chuông

løk

củ hành

potet

khoai tây

blomkål

bông cải trắng

kål

bắp cải

brokkoli

bông cải xanh

salat
plante

xà lách

spinat

rau chân vịt

bambus
mat

tre

mais

ngô

selleri

cần tây

ert

đậu Hà Lan

bønne

hạt đậu

pære

quả lê

eple

quả táo

oliven

quả ô liu

fiken

quả sung

daddel

quả chà là

kokosnøtt

quả dừa

mandel

quả hạnh nhân

hasselnøtt

hạt phỉ

peanøtt

đậu phộng

banan

quả chuối

mango

quả xoài

kiwi

quả kiwi

avokado

quả bơ

ananas

quả dứa

vannmelon

dưa hấu

drue

quả nho

honingmelon

dưa gang

bringebær

quả mâm xôi

blåbær

quả việt quất

jordbær

quả dâu tây

kirsebær

quả anh đào

plomme

quả mận

aprikos

quả mơ

fersken

quả đào

sitron

quả chanh

grapefrukt

quả bưởi

appelsin

quả cam

tomat

cà chua

mynte

bạc hà

sitrongress

sả

kanel

quế

vanilje

vani

salt
mat

muối

pepper

tiêu

karri

cà ri

tobakk

thuốc lá

tofu

đậu hũ

eddik

giấm

nudel

mì sợi

soyamelk

sữa đậu nành

mel

bột mì

ris

gạo

havre

yến mạch

hvete

lúa mì

soya

đậu nành

nøtt

hạt

honning

mật ong

syltetøy

mứt

tyggegummi

kẹo cao su

pannekake

bánh kếp

kjeks

bánh quy

pudding

bánh pudding

muffins

bánh muffin

smultring

bánh rán vòng

energidrikk

nước tăng lực

appelsinjuice

nước cam

eplejuice

nước táo

milkshake

sữa lắc

cola

coca cola

kakao

sô cô la nóng

cocktail

rượu cocktail

rom

rượu rum

whisky

rượu whisky

vodka

rượu vodka

meny

thực đơn

sjømat

hải sản

spagetti

mì Ý

sushi

sushi

popkorn

bắp rang bơ

potetgull

khoai tây lát mỏng

kyllingvinger

cánh gà

pommes frites

khoai tây chiên

sennep

mù tạt

majones

sốt mayonnaise

tomatsaus

nước sốt cà chua

sandwich

bánh mì kẹp

pølse i brød

bánh mì kẹp xúc xích

burger

bánh burger

Skole

bok

sách

bibliotek

thư viện

hjemmekser

bài tập về nhà

eksamen

bài thi

time
skole

bài học

naturfag

khoa học

historie

lịch sử

kunst

nghệ thuật

penn

cây bút

blyant

bút chì

første

thứ nhất

andre
2.

thứ hai

tredje

thứ ba

fjerde

thứ tư

forskning

nghiên cứu

akademisk grad

bằng cấp

idrettsplass

sân thể thao

ordbok

từ điển

semester

học kì

notisbok

sổ tay

geometri

hình học

politikk

chính trị học

filosofi

triết học

økonomi

kinh tế học

kroppsøving

giáo dục thể chất

biologi

sinh học

matematikk

toán học

geografi

địa lý

litteratur

văn học

kjemi

hóa học

fysikk

vật lý

linjal

cái thước

viskelær

cục tẩy

saks

cái kéo

teip

băng dính

lim

keo dán

kulepenn

bút bi

binders

kẹp giấy

3%

ba phần trăm

100%

một trăm phần trăm

0%

không phần trăm

kubikkmeter

mét khối

kvadratmeter

mét vuông

mil

dặm

meter

mét

millimeter

mi-li-mét

centimeter

xen-ti-mét

desimeter

đề-xi-mét

addisjon

phép cộng

subtraksjon

phép trừ

multiplikasjon

phép nhân

divisjon

phép chia

areal

diện tích

volum

thể tích

rektangel

hình chữ nhật

kvadrat

hình vuông

trekant

tam giác

sirkel

hình tròn

liter

lít

milliliter

mililít

tonn

kilo

gram

tấn

kilôgam

gram

magnet

mikroskop

trakt

nam châm

kính hiển vi

cái phễu

laboratorium

foredrag

phòng thí nghiệm

bài giảng

Natur

aske

tro

ild

lửa

diamant

kim cương

måne

mặt trăng

sol

mặt trời

stjerne

ngôi sao

planet

hành tinh

kyst

bờ biển

innsjø

hồ

skog

rừng

ørken

sa mạc

bakke

đồi núi

stein
natur

đá

elv

con sông

dal

thung lũng

fjell

núi

øy

đảo

hav

đại dương

sjø

biển

is

băng

snø

tuyết

storm

bão táp

regn

mưa

vind

gió

tre

cây

gress

cỏ

rose

hoa hồng

blomst
generell

hoa

metall

kim loại

jord

đất

lava

dung nham

kull

than

sand

cát

leire

đất sét

rakett

tên lửa

satellitt

vệ tinh

galakse

thiên hà

asteroide

tiểu hành tinh

kontinent

lục địa

ekvator

đường Xích đạo

sydpol

Nam cực

nordpol

Bắc cực

bekk

suối

regnskog

rừng nhiệt đới

hule

hang

foss

thác nước

bredd

bờ biển

isbre

sông băng

jordskjelv

động đất

krater

miệng núi lửa

vulkan

núi lửa

atmosfære

khí quyển

oversvømmelse

lũ lụt

tåke

sương mù

regnbue

cầu vồng

torden

tiếng sấm

lyn

tia chớp

tordenvær

cơn dông

temperatur

nhệt độ

tyfon

bão nhiệt đới

orkan

sky

grein

bão

mây

cành cây

blad

rot

stamme

lá cây

rễ cây

thân cây

frø

plast

karbondioksid

hạt giống

nhựa

cacbon đioxit

atom

jern

oksygen

nguyên tử

sắt

ôxy

gull

sølv

vàng

bạc

Transport

bil

xe hơi

buss

xe buýt

tog

xe lửa

togstasjon

ga xe lửa

busstopp

trạm dừng xe buýt

fly

máy bay

skip

tàu

lastebil

xe tải

sykkel

xe đạp

motorsykel

xe mô tô

drosje

xe taxi

trafikklys

đèn giao thông

parkeringsplass

bãi đậu xe

vei

đường

batteri

ắc quy

motor

bil

động cơ

airbag

túi khí

ratt

vô-lăng

setebelte

dây an toàn

dekk

lốp xe

bagasjerom

cốp sau

billettautomat

máy bán vé

billettkontor

phòng bán vé

T-bane

tàu điện ngầm

høyhastighetstog

tàu cao tốc

lokomotiv

đầu máy

trikk

xe điện

skolebuss

xe buýt trường học

minibuss

xe buýt nhỏ

flyplass

sân bay

flyselskap

hãng hàng không

helikopter

máy bay trực thăng

førsteklasse

hạng nhất

økonomiklasse

hạng phổ thông

businessklasse

hạng thương gia

redningsvest

áo phao

container

công ten nơ

ubåt

tàu ngầm

cruiseskip

tàu du lịch

containerskip

tàu chở hàng

yacht

du thuyền

ferje

phà

havn

hải cảng

livbåt

xuồng cứu sinh

radar

ra đa

gatelykt

đèn đường

fortau

vĩa hề

bensinstasjon

trạm xăng

byggplass

công trường

fotgjengerfelt

vạch qua đường

trafikkork

tắc đường

motorvei

đường cao tốc

stridsvogn

xe tăng

gravemaskin

máy xúc

traktor

máy kéo

tilhenger

rơ-moóc

scooter

xe tay ga

taubane

xe cáp treo

By

sykehus

bệnh viện

skole

trường học

hus

nhà ở

regning

hóa đơn

marked

chợ

supermarked

siêu thị

leilighet

căn hộ

universitet

trường đại học

gård

nông trại

kirke

nhà thờ

restaurant

nhà hàng

bar

quán bar

gym

phòng thể dục

park

công viên

toalett
offentlig

nhà vệ sinh

kart

bản đồ

ambulanse

xe cứu thương

politi

cảnh sát

brannvesen

lính cứu hỏa

land

quốc gia

forstad

ngoại ô

landsby

ngôi làng

garanti

bảo hành

kjøpesenter

trung tâm mua sắm

apotek

tiệm thuốc

skyskraper

tòa nhà chọc trời

slott

lâu đài

ambassade

đại sứ quán

synagoge

giáo đường Do Thái

tempel

ngôi đền

fabrikk

nhà máy

moské

nhà thờ Hồi giáo

rådhus

tòa thị chính

postkontor

bưu điện

fontene

đài phun nước

nattklubb

câu lạc bộ đêm

benk

băng ghế

golfbane

sân golf

fotballstadion

sân bóng đá

svømmebasseng
bygning

hồ bơi

tennisbane

sân quần vợt

turistinformasjon

thông tin du lịch

kasino

sòng bạc

kunstgalleri

phòng triển lãm nghệ thuật

museum

bảo tàng

nasjonalpark

công viên quốc gia

suvenir

quà lưu niệm

akvarium

thủy cung

vannsklie

trượt nước

berg og dalbane

tàu lượn siêu tốc

vannpark

công viên nước

dyrehage

vườn bách thú

lekeplass

sân chơi

nødutgang
bygning

cửa thoát hiểm

brannalarm

chuông báo cháy

brannslukker

bình cứu hỏa

politistasjon

đồn cảnh sát

stat

tiểu bang

region

khu vực

hovedstad

thủ đô

Sykehus

ulykke

tai nạn

pasient

bệnh nhân

operasjon

phẫu thuật

pille

viên thuốc

feber

sốt

hoste

ho

legevakt

phòng cấp cứu

intensivavdeling

khoa hồi sức tích cực

venterom

phòng chờ

aspirin

thuốc aspirin

sovepille

thuốc ngủ

utløpsdato

ngày hết hạn

dosering

liều lượng

hostesaft

si-rô ho

bivirkning

tác dụng phụ

insulin

insulin

pulver

bột

kapsel

viên nhộng

vitamin

vitamin

smertestillende middel

thuốc giảm đau

antibiotika

kháng sinh

bakterie

vi khuẩn

virus

vi rút

hjerteinfarkt

đau tim

diaré

tiêu chảy

diabetes

tiểu đường

hjerneslag

đột quỵ

astma

hen suyễn

kreft

ung thư

influenza

cúm

tannverk

đau răng

solbrenthet

cháy nắng

sår hals

viêm họng

mageknip

đau bụng

infeksjon

nhiễm trùng

allergi

dị ứng

krampe

chuột rút

hodepine

đau đầu

sprøyte
verktøy

ống tiêm

krykke

nạng

røntgenbilde

chụp X quang

ultralymaskin

máy siêu âm

plaster

bó bột

rullestol

xe lăn

gips

bó bột

puls

mạch

skade

chấn thương

nødsituasjon

cấp cứu

hjernerystelse

chấn động

brannså

vết bỏng

brudd

gãy xương

P-pille

thuốc tránh thai

graviditetstest

thử thai

Jobber

doktor

bác sĩ

sykepleier

y tá

politimann

cảnh sát

president

tổng thống

kaptein

thuyền trưởng

detektiv

thám tử

pilot

phi công

professor

giáo sư

lærer

giáo viên

advokat

luật sư

sekretær

thư ký

assistent

trợ lý

dommer
domstol

thẩm phán

sjef

quản lý

kokk

đầu bếp

drosjesjåfør

tài xế taxi

bussjåfør

tài xế xe buýt

modell

người mẫu

artist

nghệ sĩ

statsminister

thủ tướng

farmasøyt

dược sĩ

brannmann

lính cứu hỏa

tannlege

nha sĩ

entreprenør

doanh nhân

politiker

chính trị gia

programmerer

lập trình viên

flyvertinne

tiếp viên hàng không

forsker

nhà khoa học

barnehagelærer

giáo viên mầm non

arkitekt

kiến trúc sư

regnskapsfører

kế toán viên

konsulent

tư vấn viên

aktor

công tố viên

daglig leder

tổng quản lý

livvakt

vệ sĩ

huseier

chủ nhà

kelner

bồi bàn

sikkerhetsvakt

nhân viên bảo vệ

soldat

bộ đội

fisker

ngư dân

rengjører

nhân viên vệ sinh

rørlegger

thợ sửa ống nước

elektriker

thợ điện

bonde

nông dân

resepsjonist

lễ tân

postbud

người đưa thư

kasserer

thu ngân

frisør

thợ làm tóc

forfatter

tác giả

journalist

nhà báo

fotograf

nhà nhiếp ảnh gia

badevakt

nhân viên cứu hộ

sanger

ca sĩ

musiker

nhạc sĩ

skuespiller

diễn viên

reporter

phóng viên

trener

huấn luyện viên

dommer
sport

trọng tài

Forretninger

penger

tiền

kontor

văn phòng

stress

áp lực

forsikring

bảo hiểm

personale

nhân viên

avdeling

bộ phận

lønn

lương

adresse

địa chỉ

brev

lá thư

telefonnummer

số điện thoại

url

url

e-postadresse

địa chỉ email

nettside

trang mạng

e-post

thư điện tử

signatur

chữ ký

tap

thua lỗ

fortjeneste

lợi nhuận

kunde

khách hàng

beløp

số tiền

kredittkort

thẻ tín dụng

passord

mật khẩu

minibank

máy rút tiền

avgift

thuế

møterom

phòng họp

visittkort

đanh thiệp

IT

công nghệ thông tin

personalavdeling

nhân sự

juridisk avdeling

bộ phận pháp lý

regnskap

kế toán

markedsføring

tiếp thị

salg

bán hàng

kollega

đồng nghiệp

arbeidsgiver

người sử dụng lao động

ansatt

nhân viên

notat

chú thích

presentasjon

thuyết trình

perm

bìa cứng

stempel

con dấu cao su

projektor

máy chiếu

pakke
post

bưu kiện

frimerke

con tem

konvolutt

phong bì

nettleaser

trình duyệt

investering

đầu tư

børs

sàn giao dịch chứng khoán

seddel

tiền giấy

mynt

tiền xu

rente

tiền lãi

lån

khoản vay

kontonummer

số tài khoản

bankkonto

tài khoản ngân hàng

Apparater

telefon

điện thoại

fjernsynsapparat

bộ tivi

kamera

máy ảnh

radio

đài radio

vifte

quạt

klimaanlegg

máy điều hòa

kaffetrakter

máy pha cà phê

brødrister

máy nướng bánh mì

støvsuger

máy hút bụi

hårføner

máy sấy tóc

vannkoker

ấm đun nước

oppvaskmaskin

máy rửa chén

komfyr

bếp điện

ovn

lò nướng

mikrobølgeovn

lò vi sóng

kjøleskap

tủ lạnh

vaskemaskin

máy giặt

fjernkontroll

điều khiển từ xa

øretelefon

tai nghe

mus
datamaskin

chuột

tastatur

bàn phím

harddisk

ổ cứng

minnepenn

thanh USB

skanner

máy quét

printer

máy in

skjerm

màn hình

laptop

máy tính xách tay

robot

rô bốt

høytaler

loa

